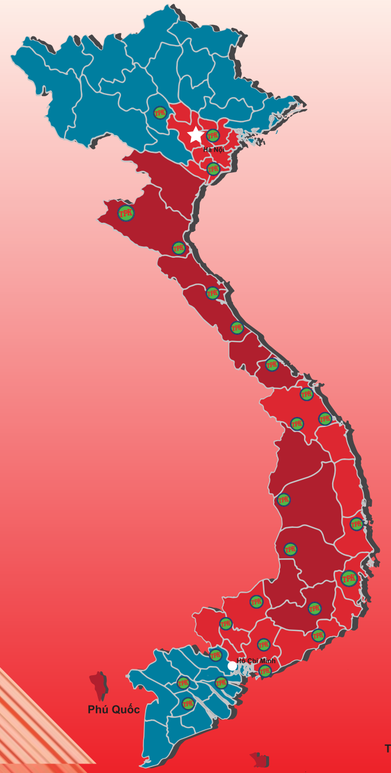

Hoàng Sa (Việt Nam)

Trường Sa (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TÔN TÂN PHƯỚC KHANH CHI NHÁNH VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Trụ sở chính – Nhà máy
Địa chỉ: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT
ĐT: (0254) 3922 761 / 3922 762 - Fax: (0254) 3922 756

Văn phòng đại diện
Địa chỉ: 319.B3 Lý Thường Kiệt, P.15, Q11, TP.HCM
ĐT: (028) 3865 1341 - Fax: (028) 3865 1340

Chi Nhánh Tuấn Linh
Địa chỉ: 297/22 Lý Thường Kiệt, P.15, Q11, TP. HCM
ĐT: (028) 3865 5949/ 3864 1836 - Fax: (028) 3864 5265

Thành phố Hồ Chí Minh
Tổng kho số 1 của Tân Phước Khanh
Địa chỉ: 3/40 Dương Công Khi, Nhị Tân, Phường Tân Thới Nhì, H.Hóc Môn, TP.HCM
Số ĐT: (028) 3713 2077 - Fax: (028) 3713 1268

Chi Nhánh Tân Phước Khanh Bình Chánh
Địa chỉ: D1/22A Tân Đức – Bình Chánh – TP.HCM
ĐT: (028) 3760 0419 - Fax: (028) 3760 0418

Chi Nhánh Thành Vinh
Địa chỉ: 9/5 QL1A P.Tân Hưng Thuận, Q 12, TP. HCM
ĐT: (028) 3891 2178 - Fax: (028) 3891 7904

Đà Nẵng
241 Trường Chinh, Thanh Khê, Đà Nẵng
ĐT: (0236) 226 674 - Fax: (0236) 3720 353

Đồng Nai
Địa chỉ:137 Thái Hoà, Hố Nai 3, Trảng Bom, Đồng Nai
ĐT: (0251) 3984 851 - Fax: (0251) 3984 853

Vĩnh Long
Địa chỉ: Lô 16 -09 -10 – 11 – 12 Phước Hoà, Hoà Phú, Long Hồ, Vĩnh Long
ĐT: (0270) 3962 - Fax: (0270) 3962 728

Tiền Giang
Địa chỉ: 278 Phuoc Thuan, Phước Thanh, Mỹ Tho, Tiền Giang
ĐT: (0273) 3855 572 - Fax: (0273) 3868 194

TÔN TÂN PHƯỚC KHANH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TÔN

TÂN PHƯỚC KHANH

Website: www.tanphuockhanh.com.vn
Email: info@tanphuockhanh.com.vn

TÔN TÂN PHƯỚC KHANH

Đôi Dòng Về **Công Ty**

Như là 1 doanh nghiệp tiên phong trong ngành công nghiệp sản xuất Tôn thép dạng cuộn ở Việt Nam, với hơn 36 năm kinh nghiệm, Công ty Cổ Phần Thương Mại và Sản Xuất Tôn Tân Phước Khanh (TPK) đã đáp ứng được nhu cầu của cả thị trường trong nước lẫn quốc tế với tiêu chí: Ổn định, Chất lượng và Dịch vụ.

Trong suốt quá trình hình thành, đổi mới và phát triển của mình, TPK luôn cố gắng hết khả năng để mang đến những lợi thế tiềm năng của chúng tôi trong kinh doanh. Chúng tôi cũng học hỏi rất nhiều về những công nghệ mới từ những tiêu chuẩn kỹ thuật hàng đầu thế giới bằng cách mời các chuyên gia hàng đầu từ Châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc để đào tạo cho nhân viên của chúng tôi. Với những nổ lực như vậy, TPK đã khẳng định được uy tín của mình thông qua việc đạt được nhiều huy chương, bằng khen và chứng nhận tiêu chuẩn quốc gia dưới nhãn hiệu TPK.

Trên con đường phát triển, năm 2007, đây là điểm mốc quan trọng sau khi TPK đã quyết định để mở rộng quy mô của Nhà máy Sản xuất lên 100.000 m^2 ở Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu với công suất hơn 220.000 tấn sản phẩm mỗi năm bao gồm Tôn mạ kẽm, Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm dạng cuộn (GI/GL) và Tôn lạnh phủ màu dạng cuộn (PPGL) được sản xuất trên dây chuyền sản xuất hiện đại nhất với công nghệ mới nhất như: Lò đốt không oxy (NOF) và Bộ ổn định băng tôn (Emass – Đức).

Bên cạnh những máy móc và công nghệ hiện đại đó, một sự đóng góp rất lớn cho sự thành công của TPK hôm nay đó là năng động và nhiệt tình của đội ngũ nhân sự từ Lãnh đạo đếnNhân viên, từ Phòng kỹ thuật đến Bộ phận sản xuất. Để có được thành công này, chúng tôi cần phải cảm ơn các hoạt động tập thể của chúng tôi, các khoá đào tạo và văn hoá công ty đã làm TPK như là ngôi nhà thứ 2 của mỗi nhân viên TPK.

Cho mục tiêu phục vụ cộng đồng, thông qua những cách đã thành công, TPK luôn sẵn sàng để tham gia những hoạt động có ý nghĩa vì cộng đồng như: Hiến máu nhân đạo, khuyến học, xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ người nghèo…TPK cũng là đơn vị đầu tiên và duy trì các hoạt động thiện nguyện thông qua các chương trình "Khát Vọng Sống" ở các tỉnh Miền Đông và Miền Tây Việt Nam.

Với những lợi thế bình thường, những thành công và kinh nghiệm của chúng tôi qua 36 năm trong ngành công nghiệp sản xuất Tôn thép dạng cuộn, Tân Phước Khanh liên tục đổi mới, phát triển để mang đến cái tốt nhất và sự hài lòng cao nhất cho khách hàng bằng chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ, đóng góp vào sự thay đổi diện mạo của Quốc gia cũng như bắt kịp với các Quốc gia khác trên Thế Giới.

NỘI DUNG

GIỚI THIỆU CÔNG TY 4

Tầm nhìn

Sứ mệnh

Giá Trị cốt lõi

Thành lập và lịch sử phát triển

QUY MÔ CÔNG TY 6

Ban Tổng Giám Đốc

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT 7

Mạ lạnh/mạ kẽm liên tục

Mạ màu

Dây Chuyền Xả Băng

SẢN PHẨM 10

Tôn lạnh dạng cuộn TPK-ALZinc

Tôn Kẽm dạng cuộn TPK-Zinc

Tôn lạnh phủ màu dạng cuộn TPK-PPAlZinc

LIÊN HỆ KINH DOANH 17

Xuất khẩu

CHỨNG CHỈ SẢN PHẨM THEO

TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VÀ GIẢI THƯỞNG 18

GIỚI THIỆU CÔNG TY

TẦM NHÌN

Để trở thành một thương hiệu trong việc cung cấp tôn cuộn chất lượng hàng đầu Việt Nam và Châu Á bằng chiến lược phát triển bền vững dựa trên những lợi thế cạnh tranh và nổ lực nội tại để mang lại các giá trị gia tăng cao nhất đến khách hàng.

SỨ MỆNH

Với phương châm "Uy tín và Chất lượng", Chúng tôi luôn cố gắng để cho ra những sản phẩm hoàn hảo theo tiêu chuẩn quốc tế với chất lượng cao, giá cả hợp lý, dịch vụ sau bán hàng thì thân thiện và chuyên nghiệp để đảm bảo sự hài lòng của khách hàng, đóng góp vào sự thay đổi diện mạo trong định hướng phát triển của Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SỰ ỔN ĐỊNH: Tính ổn định về chất lượng trong các sản phẩm của Tân Phước Khanh thì luôn luôn được đánh giá cao và duy trì liên tục hơn 36 năm qua trong bối cảnh thị trường thép cạnh tranh khốc liệt.

CHẤT LƯỢNG: Chất lượng sản phẩm của Tân Phước Khanh luôn đứng đầu, đáp ứng được những tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng cả thị trường Trong nước và Quốc tế nhờ vào sự đổi mới, cải tiến về kỹ thuật, công nghệ. Để đảm bảo chất lượng sản phẩm và thể hiện trách nhiệm xã hội của chúng tôi, TPK đã ứng dụng và duy trì theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 về hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm.

DỊCH VỤ: Thủ tục bán hàng ở TPK luôn mang lại sự hài lòng cao nhất cho khách hàng bởi vì chúng tôi luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất đến tay khách hàng theo 1 cách nhanh nhất với thời gian và chi phí tiết kiệm nhất. Ngoài ra, TPK cũng có nhiều chính sách hỗ trợ tốt nhất đến với Khách hàng như: Bảo hành, giảm giá, cho nợ, chương trình đánh giá khách hàng…

Thành Lập Và Lịch Sử Phát Triển

In 2005

Công ty TPK được thành lập với vốn đầu tư ban đầu 106 tỉ VNĐ trên khu đất có diện tích 100.000 m^2

In 2007

Điểm nhấn quan trọng trong lịch sử thành lập và phát triển của công ty , công ty đã chuyển đổi thành Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Sản Xuất Tôn Tân Phước Khanh. Và chúng tôi đã đầu tư thêm 1 dây chuyền mạ màu có công suất 60.000 tấn/năm và đưa vào hoạt động chính thức trong năm 2008

In 2009

Với những phát triển vượt bậc, Công ty CP TM & SX Tôn TPK đã quyết định đầu tư 1 dây chuyền mạ lạnh/kẽm liên tục với công nghệ Lò đốt không oxy (NOF Technology). Và hiện nay TPK đang tiếp tục đầu tư 1 dây chuyền mạ kẽm liên tục có độ dày từ 0.2 – 3mm để phục vụ cho dự án lớn.

From 2013

TPK bắt đầu mở rộng thị trường đến những khu vực, quốc gia trên thế giớ. Sản phẩm của TPK hiện diện ở nhiều quốc gia như Mỹ, Úc, Srilanka, Bangladesh, Indonesia, Thailan, Myanma, Malaysia và Cambodia…

QUY MÔ CÔNG TY
Ban Tổng Giám Đốc

Tổng Giám Đốc
Ông. Đỗ Văn Tơ

Phó Tổng Giám Đốc Thường Trực
Ông. Cao Tuấn Khanh

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT
Dây Chuyền Mạ Lạnh/Mạ Kẽm liên tục

Tính năng của Dây Chuyền Mạ Lạnh/Mạ Kẽm liên tục của TPK là dây chuyền công nghệ lò đốt không oxy (nof) hiện đại – Công nghệ được sử dụng ở nhiều quốc gia phát triển như Nhật, Châu Âu, Mỹ…

Tính năng của dây chuyền mạ lạnh/kẽm của TPK

Công suất nhà máy	300.000 tấn/năm
Rộng (mm)	750 + 914 + 1219 + 1250
Dày (mm)	0.16 + 1.60
Trọng lượng (tấn)	10
Đường kính trong (mm)	508 - 610
Nguyên liệu đầu vào	Tôn cán nguội dạng cuộn - CRC
Thành phẩm	Tôn mạ kẽm – GI, Tôn mạ lạnh - GL

Tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm

Bề mặt sản phẩm thành phẩm	Bông đều
Xử lý bề mặt	Phủ lớp chống bám vân tay
T –Bend (bền uốn)	0 - 3T
Lượng mạ	AZ50 – AZ200 , Z80 – Z275
Thành phần lớp mạ	Kẽm, Hợp kim nhôm kẽm, silic
Giới hạn chảy	55% Nhôm – 43% Kẽm – 1.685 Silic.. 270 Mpa (N/mm2)

1. Kiểm tra nguyên liệu
2. Xả cuộn
3. Hàn nối cuộn
4. Loại bỏ dầu và mỡ
5. Lò đốt không oxy
6. Mạ nhôm kẽm
7. Làm mát
8. Cán láng
9. Cán phẳng
10. Lớp hoá chất thụ động
11. Sấy và làm nguội
12. Thành phẩm

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT
Dây chuyền mạ màu

Tân Phước Khanh có 1 dây chuyền mạ màu CCL với những thiết bị hiện đại nhất.

Xuất xứ: Dây chuyền được lắp đặt với những thiết bị tiên tiến, hiện đại đến từ Hàn Quốc, Đức…

Tôn mạ kẽm – GI, Tôn mạ nhôm kẽm - GL sau khi đi qua hệ thống tẩy rửa, thì được phủ lớp phụ gia để chống ăn mòn lớp sơn và sau đó nó được phủ bởi lớp sơn lót và lớp sơn hoàn thiện và đưa vào lò sấy. Lớp sơn sẽ làm gia tăng độ bền của thép trong việc chống lại các điều kiện môi trường và giúp chất lượng tôn tốt hơn

Dây chuyền mạ màu thì được thiết kế với công nghệ sơn bằng trục hiện đại nhất, bao gồm 3 - 4 máy sơn và 2 lò sấy.

Tính năng của dây chuyền mạ màu

Công suất dây chuyền	100,000 tấn/năm
Khổ rộng (mm)	750 – 914 – 1219 – 1250
Độ dày (mm)	0.12 – 0.8
Trọng lượng cuộn (tấn)	Tối đa 10 tấn
Đường kính trong (mm)	508, 610
Nguyên liệu đầu vào	Tôn mạ kẽm, tôn mạ nhôm kẽm,
Thành phẩm	Tôn kẽm mạ màu PPGI, Tôn lạnh mạ màu PPGL

Tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm

Màu	Đa dạng màu
Độ dày thép nền (mm)	0,1 1.2
Lớp sơn mặt chính	15 – 25 (±1pm)
Lớp sơn lưng	5 – 25 (±1pm)
Độ cứng bút chì	≥ 2H
Kiểm tra MEK	MEK ≥ 100DR
Kiểm tra độ va đập	1800x200 MM
T-Bend (bền uốn)	0T – 2T
Độ bóng	32% - 85%
Kiểm tra phun sương muối	Bề mặt lớp phủ tối thiểu 200 giờ

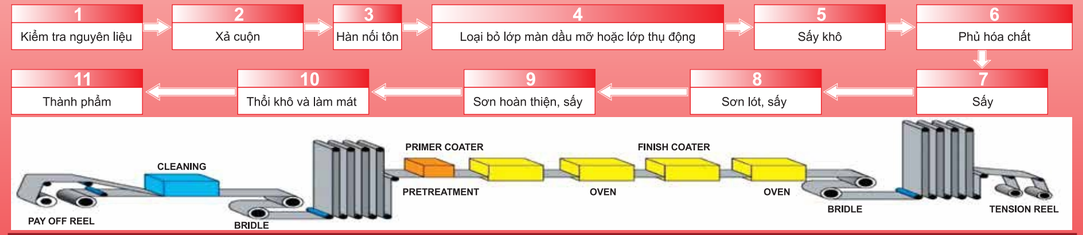

Dây Chuyền Xả Băng

THÀNH PHẨM
Tôn lạnh dạng cuộn (TPK-ALZINC)

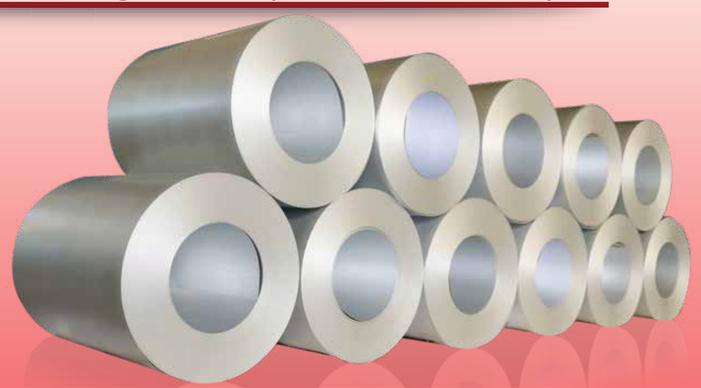

Tôn lạnh dạng cuộn của TPK được sản xuất bởi dây chuyền hiện đại sử dụng công nghệ lò đốt không oxy (NOF) – Công nghệ này được sử dụng ở các nước phát triển như Hàn Quốc, Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ. Chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn JIS G3321 (Nhật Bản), AS 1397, AS 1965 (ÚC) ASTM A972/A972M (MỸ).

Thành phẩm tôn lạnh có những tính năng nổi bật với lớp bảo vệ chống dấu vân tay, chống ố bẩn, chống oxy hoá, bề mặt sáng trong thời gian dài mà không bị xước, không bị bong tróc lớp mạ trong suốt quá trình dập, cán sóng…

TPK – ALZINC (Tôn lạnh TPK) cũng được gọi là tôn phủ hợp kim nhôm kẽm. Tôn cán nguội được phủ lớp hợp kim nhôm kẽm với 55% nhôm, 43.5% kẽm, 1.5% silic. Tôn cuộn mạ lạnh – ALZINC có tính năng chống ăn mòn cao, hệ số bức xạ nhiệt tốt hơn tôn kẽm.

Ứng dụng: Tôn lạnh – ALZINC thì thường được sử dụng trong ngành công nghiệp xây dựng (như là mái lợp, tường, trần, cửa…) hoặc ngành công nghiệp điện (như là nhà, bảo vệ cho các thiết bị điện…) và trang trí nội thất.

Đặc điểm nổi bật:

1. Kháng rỉ lâu hơn và bền bỉ hơn 3 – 6 lần so với các sản phẩm thông thường.
2. Kháng ăn mòn cao, cách nhiệt tốt hơn do phản xạ ánh sáng mặt trời.
3. Bề mặt sáng và đẹp.

Thông số kỹ thuật của tôn lạnh TPK - ALZINC

STT	Quy cách (mm x mm x coil)		Độ dày lớp phủ (mm)			Kiểm tra phun sương muối (giờ)	Độ phẳng	Bền kéo	Dung sai khổ rộng (mm)	Bề mặt
			AZ70	AZ100	AZ150					
1	0,18	914/ 1219	0,20 0180+0,204	0,22 0215+0,224	0,23 0224+0,223	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
2	0,20	914/ 1219	0,22 0,205+0,224	0,24 0,225+0,245	0,25 0,235+0,254	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
3	0,21	914 / 1219	0,23 0,225+0,234	0,25 0,245+0,255	0,26 0,255+0,264	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to t7	Bông đồng đều
4	0,22	914/ 1219	0,24 0,235+0,244	0,26 0,256+0,265	0,27 0,265+0,274	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
5	0,23	914/ 1219	0,25 0,245+0,274	0,28 0,266+0,275	0,28 0,275+0,285	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
6	0,24	914/1219	0,26 0,256+0,265	0,28 0,276+0,255	0,29 0,286+0,295	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
7	0,25	914/ 1219	0,27 0,266+0,275	0,29 0,286+0,298	0,30 0,296+0,805	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to t7	Bông đồng đều
8	0,26	914/ 1219	0,28 0,276+0,285	0,30 0,296+0,305	0,31 0,306+0,315	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
9	0,28	914/ 1219	0,80 0,286+0,305	0,82 0,306+0,325	0,83 0,316+0,335	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
10	0,30	914/1219	0,32 0,306+0,325	0,34 0,326+0,345	0,33 0,336+0,355	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
11	0,31	914/ 1219	0,316+0,335	0,346+0,355	0,356+0,365	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to t7	Bông đồng đều
12	0,33	914/ 1219	0,35 0,336+0,355	0,37 0,356+0,375	0,36 0,365+0,385	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
13	0,36	914/ 1219	0,38 0,368+0,085	0,40 0,876+0,408	0,38 0,386+0,415	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
14	0,38	914/1219	0,40 0,386+0,405	0,42 0,306+0,425	0,43 0,415+0,435	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to t7	Bông đồng đều
15	0,41	914/ 1219	0,40 0,415+0,435	0,43 0,426+0,455	0,45 0,456+0,465	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to t7	Bông đồng đều
16	0,43	914/ 1219	0,45 0,435+0,455	0,47 0,456+0,475	0,48 0,455+0,485	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
17	0,46	914/ 1219	0,48 0,455+0,485	0,50 0,476+0,505	0,51 0,486+0,515	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to t7	Bông đồng đều
18	0,51	914 / 1219	052 0,515+0,545	055 0,525+0,556	056 0,546+0,565	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
19	0,55	914 / 1219	0,57 0,546+0,575	0,59 0,575+0,615	0,60 0,575+0,605	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to t7	Bông đồng đều
20	0,56	914/ 1219	0,58 0,565+0,585	0,80 0,575+0,625	0,80 0,606+0,615	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to t7	Bông đồng đều
21	0,68	914/ 1219	0,70 0,685+0,705	0,72 0,695+0,745	0,73 0,705+0,765	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
22	0,72	914/1219	0,74 0,725+0,745	0,76 0,735+0,785	0,77 0,745+0,800	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
23	0,92	914 / 1219	0,94 0,920+0,970	0,96 0,935+0,985	0,97 0,945+1,005	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to t7	Bông đồng đều
24	1,12	914/ 1219	1,14 1,100+1,180	1,16 1,120+1,180	1,17 1,135+1,210	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to t7	Bông đồng đều
25	1,35	914/ 1219	1,37 1,320+1,420	1,39 1,340+1,440	1,40 1,350+1,450	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
26	1,45	914/1219	1,47 1,320+1,420	1,49 1,440+1,540	1,50 1,460+1,550	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to +7	Bông đồng đều
27	1,47	914/ 1219	1,49 1,440+1,540	1,51 1,460+1,560	1,52 1,470+1,570	>200	JIS G3302	JIS G3321	-2 to t7	Bông đồng đều

THÀNH PHẨM
Tôn kẽm dạng cuộn (TPK-ZINC)

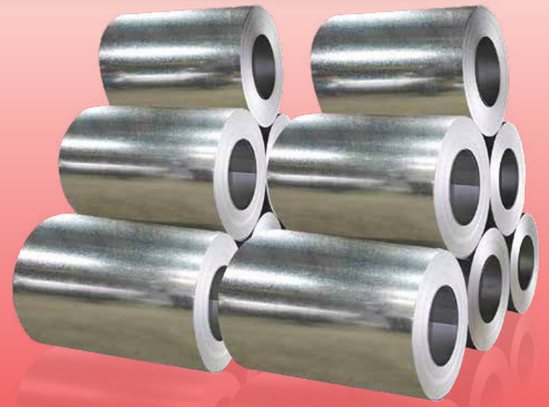

Tôn kẽm dạng cuộn TPK –ZINC của TPK được sản xuất với công nghệ mạ hiện đại, chất lượng thành phẩm tuân theo tiêu chuẩn công nghiệp nhật bản JIS G 3302:1998 và tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Thành phẩm có tính năng chống ăn mòn cao và thân thiện môi trường.

Tính năng nổi bật

Được sản xuất đặc biệt phù hợp với nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

Lớp bảo vệ cromic: chống mốc ố, chống oxy hoá, bề mặt sáng lâu hơn mà không bị xước, không bị bong tróc lớp mạ trong suốt quá trình dập, cán sóng.

Tính năng của Tôn kẽm TPK

1.Chống mốc ố, chống oxy hoá.

2.Kháng ăn mòn cao, cách nhiệt tốt hơn do phản xạ ánh sáng mặt trời.

3.Giảm bong tróc, xước lớp mạ trong quá trình dập, cán.

Thông số kỹ thuật của tôn kẽm TPK - ZINC

STT	Quy cách (mm x mm x coil)			Dung sai độ dày		Hóa chất xử lý	Độ bền uốn	Kiểm tra phun sương muối (giờ)	Độ phẳng	Bền kéo	Dung sai khổ rộng (mm)	Bề mặt
				Minium	Maximum							
1	0.22	914	C1	0.205	0.224	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	C1	0.234	0.254	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
2	0.23	914	C1	0.215	0.234	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	C1	0.215	0.234	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
3	0.28	914	C1	0.265	0.284	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	C1	0.265	0.284	Chromatic Solution	0T	>200	JIS 3302	JIS G3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
4	0.22	914	C1	0.315	0.334	Chromatic Solution	0T	>200	JIS 3302	JIS G3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	C1	0.315	0.334	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
5	0.23	914	C1	0.365	0.384	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	C1	0.365	0.384	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
6	0.43	914	C1	0.415	0.434	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	C1	0.415	0.434	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
7	0.48	914	C1	0.465	0.484	Chromatic Solution	0T	>200	JIS S3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	C1	0.465	0.484	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
8	0.28	914	1B/MS	0.265	0.284	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	1B/MS	0.265	0.284	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
9	0.28	914	1B/MS	0.315	0.334	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	1B/MS	0.315	0.334	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
10	0.30	914	1B/MS	0.365	0.384	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	1B/MS	0.365	0.384	Chromatic Solution	0T	>200	JIS S3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
10	0.43	914	1B/MS	0.415	0.434	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	1B/MS	0.415	0.434	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
12	0.48	914	C1	0.465	0.484	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	C1	0.465	0.484	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
13	0.58	914	MS	0.560	0.592	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	MS	0.560	0.592	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
14	0.75	914	MS	0.730	0.762	Chromatic Solution	0T	>200	JIS S3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	MS	0.730	0.762	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
15	0.95	914	MS	0.925	0.974	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	MS	0.925	0.974	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
16	1.15	914	MS	1.125	1.175	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	MS	1.125	1.175	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
17	1.38	914	MS	1.368	1.384	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	MS	1.368	1.384	Chromatic Solution	0T	>200	JIS S3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
18	1.48	914	MS	1.411	1.434	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều
		1219	MS	1.411	1.434	Chromatic Solution	0T	>200	JIS3302	JISG3302	-2 to +7	Bóng đồng đều

THÀNH PHẨM

Tôn lạnh màu dạng cuộn (TPK-PPALZINC,PPGL)

Tôn lạnh màu dạng cuộn của TPK được sản xuất theo tiêu chuẩn JISS G3322 (Nhật bản), AS 2728 (Úc), ASTM A755/755M (Mỹ) . Thành phẩm đẹp và đầy màu sắc với tính năng kháng tốt về các điều kiện môi trường, siêu bền.

TPK-PPALZINC được sản xuất bởi dây chuyền mạ màu. Nguyên liệu đầu vào sau khi được tẩy rửa sẽ được phủ lớp phụ gia để tăng độ bám dính và sau đó phủ sơn với lớp sơn lót trước lớp sơn hoàn thiện và sấy khô.

Tính năng của TPK-PPALZINC:

1.Kháng bụi lâu hơn sản phẩm thông thường.
2.Kháng ăn mòn cao, cách nhiệt tốt hơn loại khác.

Ứng dụng sản phẩm:

1.Công nghiệp mái lợp và xây dựng dân dụng.
2.Cán để làm cửa, tường.
3.Thiết bị sản xuất, thân xe.

Bảng màu

- **TPK - Red 01** (đỏ đậm)
- **TPK - Red 02** (đỏ tươi)
- **TPK - Green 01** (xanh ngọc)
- **TPK - Green 02** (xanh rêu)
- **TPK - Turquoise** (xanh lam)
- **TPK - Yellow 01** (xám đồng)
- **TPK - Blue 01** (xanh dương tím)
- **TPK - Gray 02** (màu xám 02)
- **TPK - Brown Feng Shui** (nâu phong thủy)
- **TPK - Gray Feng Shui** (xám phong thủy)

Thông số kỹ thuật của Tôn lạnh màu TPK - PPALZINC (PPGL)

STT	Quy cách (mm x mm x coil)			Dung sai độ dày (mm)		Kiểm tra độ bền uốn	Erichsen	Màu sắc (A E)	Độ bóng	Độ phẳng	Kiểm tra phun sương muối(giờ)		Độ dày lớp mạ khô (µm)	Độ cứng bút chì	Kháng dung môi		Kháng va đập	Bền kéo (N/mm²)
				Minium	Maximum						Top	Back			Max	Min		
1	0.25	914	H1	0.235	0.254	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	H1	0.235	0.254	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
2	0.30	914	H1	0.285	0.305	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	H1	0.285	0.305	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
3	0.30	914	1B/SS	0.285	0.304	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	1B/SS	0.285	0.304	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
4	0.35	914	H1	0.335	0.354	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	HI	0.335	0.354	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
5	0.35	914	1B/SS	0.335	0.354	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	1B/SS	0.335	0.354	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
6	0.40	914	H1	0.385	0.404	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	H1	0.385	0.404	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
7	0.40	914	1B/SS	0.385	0.404	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	1B/SS	0.385	0.404	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
8	0.45	914	H1	0.435	0.454	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	H1	0.435	0.454	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
9	0.45	914	1B/SS	0.435	0.454	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	1B/SS	0.435	0.454	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
10	0.50	914	H1	0.483	0.509	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	H1	0.483	0.509	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
11	0.50	914	1B/SS	0.483	0.509	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	1B/SS	0.483	0.509	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
12	0.55	914	H1	0.53	0.559	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	H1	0.53	0.559	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
13	0.55	914	1B/SS	0.53	0.559	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	1B/SS	0.53	0.559	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
14	0.60	914	SS	0.58	0.609	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	SS	0.58	0.609	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
15	0.77	914	SS	0.745	0.779	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312
		1219	SS	0.745	0.779	‹3	0-5	‹1.0	30-60	JIS G3312	›500	›200	›25	›3H	›100	›70	JIS G3312	JIS G3312

NGUYÊN LIỆU TỪ POSCO VIỆT NAM

Thành phẩm

Ứng dụng sản phẩm

Ứng dụng sản phẩm

Ngoài việc dùng để cung cấp sản phẩm trong lĩnh vực mái lợp là phổ biến, chúng tôi cũng có đa dạng lựa chọn về Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (Tôn lạnh) với lớp phủ chống dấu vân tay với nhiều màu sắc để lựa chọn như: Xanh, Tím, Vàng, Đỏ…Ngoài những màu cơ bản chúng tôi có thể cung cấp tất cả các màu khác tuỳ theo nhu cầu của khách hàng.
Như mái lợp, trang trí nội thất mỹ nghệ.

LIÊN HỆ KINH DOANH

Xuất khẩu

Từ năm 2013, Công ty TPK bắt đầu mở rộng thị trường sang các Quốc gia trong khu vực và trên Thế giới. Cho đến này có thể được nói rằng Công ty TPK đã đạt được những thành công bước đầu trong chiến lược mở rộng thị phần xuất khẩu trong khi thị trường tôn cuộn Thế giới đang đối mặt với nhiều khó khăn. Từ 2014, Công ty TPK đã tăng cường khai thác thị trường trong khu vực và Quốc gia trên Thế giới với định hướng "Phát Triển Liên Tục, Vươn Ra Quốc Tế".
Sản phẩm của TPK đã hiện diện ở nhiều quốc gia lớn như Mỹ, Úc, Srilanka, Bangladesh, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Myanma, Combodia…sản phẩm TPK đã thu hút được sự tín nhiệm đến từ nhiều đối tác Quốc tế.
Sản phẩm của chúng tôi phục vụ cho tất cả phân khúc của thị trường từ sản phẩm trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng đến các lĩnh vực sản xuất khác, từ Nhà bán lẻ đến các Đại lý bán hàng đến khách hàng.
Tôn lạnh dạng cuộn, Tôn kẽm dạng cuộn, Tôn lạnh màu, Tôn kẽm màu được sản xuất bởi dây chuyền công nghệ hiện đại với quy trình quản lý chất lượng nghiêm ngặt đảm bảo chất lượng tốt nhất cho sản phẩn theo các tiêu chuẩn quốc tế Úc, Nhật, Mỹ, Châu Âu.
TPK đã linh động trong việc kiểm soát chi phí cho mỗi công đoạn sản xuất để đưa ra giá tốt nhất đến khách hàng.

CONTACT INFORMATION
Export Department of **Tan Phuoc Khanh** Company

Wedside: www.tanphuockhanh.com.vn
Email: info@tanphuockhanh.com.vn

Nhà Máy:
Đc: Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1 - Phường Phú Mỹ - Thị Xã Phú Mỹ - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Tel: (84.254) 3922762 Fax: (84.254) 3922765, (028) 38651340

Văn Phòng Đại Diện:
Đc: 319 B3 Lý Thường Kiệt - Phường 15 - Quận 11 - HCM
Tel: 0283 865 1341 Fax: (028) 38645265

Phòng Xuất Nhập Khẩu:
Tel: 0931 423 880 - 0906 929 264
Fax: (028) 38636505

Chứng Chỉ
Về Tiêu Chuẩn Chất Lượng Quốc Tế

Galvalume
Steel Coil TPK-ALZINC

Pre-painted
Galvalume Steel Coil TPK-PPALZINC

Galvanized
Steel Coil TPK- ZINC

SNI Product Certification License
INDONESIA

SIRIM Product Certification License
MALAYSIA

ISO 9001:2015 Standard Quality
Management System Certificate USA

ISO 9001:2015 Standard Quality
Management System Certificate NORWAY

GIẢI THƯỞNG